TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 223/2022/HC-PT
Ngày 30 - 3 - 2022
V/v: khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tửu

Ông Vũ Ngọc Huynh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 70/2021/TLPT-HC ngày 19 tháng 01 năm 2021 về việc khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1530/2020/HC-ST ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 286/2022/QĐPT ngày 14 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Phan Thị G, sinh năm: 1976

Địa chỉ: Tổ 8, ấp B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Phạm Văn Ch, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh **(**có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 86 L, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Ủy ban nhân dân huyện C (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: L, Khu phố G, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Phạm Minh C - Trưởng Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện C (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Văn C (có mặt)

2. Bà Phạm Thị Kim T (vắng mặt)

3. Ông Phạm Văn M (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 8, ấp B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Người khởi kiện Bà Phan Thị G

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện, Biên bản đối thoại, người khởi kiện Bà Phan Thị G do ông Phạm Văn Chính là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Diện tích đất 127,5 m^2 thuộc thửa 103-38, Tờ bản đồ số 03, tại Tổ 8, ấp B, xã B, huyện C có nguồn gốc là của ông Lê Văn C cho gia đình Bà Phan Thị G vào năm 1990. Năm 2004, Bà Phan Thị G có xây dựng trên tổng diện tích đất nêu trên căn nhà cấp 4 và các công trình phụ tổng diện tích sàn xây dựng là 87,38 m^2. Gia đình bà có đăng ký hộ khẩu thường trú theo địa chỉ trên với 04 nhân khẩu. Ngày 02/8/2004, Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà theo Giấy chứng nhận số 9035QSDĐ/Sx.

Ngày 10/4/2018, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 406/QĐ-UBND về thu hồi đất của hộ Bà Phan Thị G để thực hiện Dự án Xây dựng kiên cố tuyến kè bảo vệ khu dân cư ấp B, xã B, huyện C.

Ngày 04/5/2018, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 558/QĐ-UBND về duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho hộ Bà Phan Thị G với tổng số tiền là 489.198.000 đồng (Bốn trăm tám mươi chín triệu một trăm chín mươi tám nghìn đồng).

Ngày 23/7/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 835/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại: Công nhận một phần nội dung khiếu nại của Bà Phan Thị G về hỗ trợ ổn định đời sống thêm 01 nhân khẩu trong hộ Bà Phan Thị G.

Ngày 18/9/2018, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 1039/QĐ-UBND về duyệt bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho hộ Bà Phan Thị G (hỗ trợ ổn định đời sống 1 nhân khẩu) là: 12.000.000 đồng.

Không đồng ý với Quyết định số 835/QĐ-UBND ngày 23/7/2018 của Ủy ban nhân dân huyện C, Bà Phan Thị G tiếp tục gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

Ngày 12/3/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số 933/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của Bà Phan Thị G: Không công nhận nội dung khiếu nại của bà G về yêu cầu được giải quyết bồi thường, hỗ trợ toàn bộ phần diện tích 127,5m^2 bị ảnh hưởng bởi Dự án theo đơn giá đất ở là 10.000.000 đồng/m^2. Công nhận Quyết định số 835/QĐ-UBND ngày 23/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về giải quyết khiếu nại của Bà Phan Thị G là đúng một phần. Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C xác định lại diện tích đất ở theo quy định hạn mức đất ở của hộ Bà Phan Thị G để bồi thường, hỗ trợ về đất, bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc trên đất theo quy định.

Ngày 21/6/2019, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 973/QĐ-UBND về điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 558/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện C về duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ thiệt hại của hộ Bà Phan Thị G với tổng kinh phí là 579.433.000 đồng.

Ngày 02/8/2019, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 1205/QĐ-UBND điều chỉnh một phần nội dung Quyết định số 973/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 "đồng thời quyết định này thay thế Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 18/9/2018 của Ủy ban nhân dân huyện C.

Nay Bà Phan Thị G khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định: Hủy các quyết định: Quyết định số 558/QĐ-UBND ngày 04/5/2018; Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 18/9/2018; Quyết định số 973/QĐ-UBND ngày 21/6/2019; Quyết định số 1205/QĐ-UBND ngày 02/8/2019 của Ủy ban nhân dân huyện C; Quyết định số 835/QĐ-UBND ngày 23/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C; Quyết định số 933/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Lý do yêu cầu hủy các quyết định trên là: Giá bồi thường hỗ trợ đất, nhà, vật kiến trúc bồi thường là quá thấp. Bà yêu cầu bồi thường và hỗ trợ toàn bộ diện tích đất 127,5 m^2 bị ảnh hưởng bởi dự án theo đơn giá đất ở là 10.000.000 đồng/m^2; giá nhà, vật kiến trúc với giá 5.000.000 đồng/m^2. Hỗ trợ ổn định đời sống cho hộ gia đình bà 1 hộ khẩu với 04 nhân khẩu x 500.000 đồng x 24 tháng = 48.000.000 đồng. Tiền thưởng do bị thu hồi toàn bộ nhà ở đất ở: 15.000.000 đồng.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Văn bản số 3413/UBND-NCPC ngày 17 tháng 8 năm 2019 có ý kiến như sau:

Theo quy định tại Khoản 8 Mục I Phần III Phương án số 53/PA-HĐBT ngày 10/4/2018 của Hội đồng Bồi thường, giải phóng mặt bằng Dự án về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để đầu tư công trình xây dựng kiên cố tuyến kè bảo vệ khu dân cư ấp B, xã B, huyện C (đã được phê duyệt theo Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 10/4/2018 của Ủy ban nhân dân huyện C) được áp dụng theo Quyết định số 1263/QĐ-UBND ngày 31/3/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính bồi thường, hỗ trợ và mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp, tìm kiếm việc làm của Dự án, thì mức đơn giá bồi thường, hỗ trợ về đất cao nhất tại

Dự án là đơn giá đất ở, mức 2.728.000 đồng/m^2, không có quy định mức đơn giá 10.000.000 đồng/m^2. Do đó, việc Bà Phan Thị G yêu cầu được giải quyết bồi thường, hỗ trợ toàn bộ phần đất diện tích 127,5m^2 của bà bị ảnh hưởng bởi Dự án theo đơn giá 10.000.000 đồng/m^2 không cơ sở xem xét, giải quyết.

Tuy nhiên, qua xem xét về nguồn gốc, quá trình sử dụng, tạo lập nhà, đất của hộ Bà Phan Thị G có nguồn gốc do ông Lê Văn C (là cậu ruột của Bà Phan Thị G) cho tặng lại năm 1990. Đến tháng 5 năm 2004, hộ Bà Phan Thị G xây dựng trên thửa số 103-38 căn nhà (bao gồm: Nhà chính diện tích 49,58m^2 với cấu trúc tường gạch, mái tole; nhà sau 1 diện tích 17,5m^2 và nhà sau 2 diện tích 20,3m^2 với cấu trúc vách lá, mái lá) và các công trình khác (sân gạch bông, hàng rào lưới B40); hộ Bà Phan Thị G được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 075370 (vào sổ cấp GCN số 9035 QSDĐ/SX) ngày 02/8/2004, loại đất gò; hộ bà G sử dụng để ở ổn định đến nay không tranh chấp, không có Giấy phép xây dựng, không bị xử phạt vi phạm hành chính.

Theo Khoản 6 Điều 50, Khoản 1 Điều 83, Khoản 1 và 5 Điều 87 Luật Đất đai năm 2003;

Theo Điều 1 và Khoản 2.1, Điều 2 Quyết định số 64/2001/QĐ-UB ngày 30/7/2001 của Ủy ban nhân dân thành phố về quy định hạn mức đất ở tại địa bàn thành phố.

Theo Văn bản số 7504/UBND ngày 21/11/2018 của Ủy ban nhân dân huyện C về thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của khu dân cư ấp Bình Trường, ấp B, xã B có nội dung: Theo Quyết định số 6995/QĐ-UBND ngày 24/12/1998 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung huyện C thì phần đất của các hộ dân bị ảnh hưởng tại Dự án thuộc quy hoạch khu dân cư hiện hữu; Quyết định số 4766/QĐ-UBND ngày 15/9/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung huyện C thì phần đất của các hộ dân bị ảnh hưởng tại Dự án được bố trí là đường giao thông dự kiến, đất ở hiện hữu và đất cây xanh cách ly.

Căn cứ các quy định nêu trên thì việc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào tháng 8 năm 2004 cho hộ Bà Phan Thị G của Ủy ban nhân dân huyện C là loại đất gò, không xem xét nguồn gốc, quá trình sử dụng và thời điểm xây dựng nhà và các công trình (tháng 5 năm 2004) là không đúng với hiện trạng sử dụng đất và chưa phù hợp quy định của pháp luật đất đai tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay phần nhà đất của hộ bà G bị thu hồi toàn bộ do ảnh hưởng bởi Dự án Xây dựng kiên cố tuyến kè bảo vệ khu dân cư ấp B, xã B nên cần xác định lại diện tích đất ở theo quy định hạn mức đất ở để căn cứ tính bồi thường, hỗ trợ nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người dân.

Căn cứ quy định về xác định diện tích đất ở khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có vườn, ao gắn liền với nhà ở tại Điểm n Khoản 5

Điều 24 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Theo Khoản 4 Điều 103 Luật Đất đai năm 2013 và Khoản 4 Điều 20 của Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15/5/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố;

Theo Điểm a Khoản 1 Điều 7 của Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Theo Điểm d Khoản 1 và Điểm d Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 07/01/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Căn cứ theo các quy định nêu trên, nhà đất của hộ Bà Phan Thị G có nguồn gốc, quá trình sử dụng, xây dựng nhà và các công trình vào tháng 5 năm 2004, mục đích để ở ổn định, không tranh chấp, diện tích thực tế sử dụng 121m^2 (=127,5m^2 – 6,5m^2 bị sạt lở) nhỏ hơn quy định hạn mức đất ở là 300m^2 nên khi bị ảnh hưởng bởi Dự án Xây dựng kiên cố tuyến kè bảo vệ khu dân cư ấp B, xã B, huyện C được xác định lại toàn bộ là đất ở. Phần diện tích 6,5m^2 đã bị sạt lở nên được tính hỗ trợ bằng 50% giá đất nông nghiệp trồng cây hàng năm vị trí 2 đường Trần Quang Đạo theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Mục I Phần III của Phương án số 53/PA-HĐBT ngày 10/4/2018.

Theo Khoản 8 Mục I Phần III của Phương án số 53/PA-HĐBT ngày 10/4/2018 quy định giá đất bồi thường vị trí 4 là 2.728.000 đồng/m^2.

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, rà soát hồ sơ, nguồn gốc, quá trình sử dụng đối với phần nhà, đất bị ảnh hưởng Dự án của Bà Phan Thị G và căn cứ các quy định pháp luật, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố nhận thấy kết quả giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 933/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2019 là đúng quy định pháp luật.

Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố xét xử theo hướng giữ nguyên nội dung giải quyết tại Quyết định số 933/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về giải quyết khiếu nại của Bà Phan Thị G, huyện C.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C có Văn bản số 3740/UBND ngày 26 tháng 8 năm 2019, Văn bản số 917/UBND ngày 10 tháng 3 năm 2020 và Văn bản số 3527/UBND ngày 20 tháng 3 năm 2020 ý kiến như sau:

Thực hiện Dự án Xây dựng kiên cố tuyến kè bảo vệ khu dân cư ấp B, xã B, huyện C, ngày 21 tháng 9 năm 2016, Ủy ban nhân dân huyện C có Thông báo số 4077/TB-UBND về thu hồi đất để thực hiện dự án**.**

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện C phối hợp với các đơn vị liên quan đo đạc, điều tra kiểm kê đất đai, tài sản của Bà Phan Thị G do bị ảnh hưởng trong dự án.

Cùng ngày 10 tháng 4 năm 2018, Ủy ban nhân dân huyện C có Quyết định số 406/QĐ-UBND về thu hồi toàn bộ phần đất diện tích 127,5m^2 của hộ Bà Phan Thị G để thực hiện dự án; Quyết định số 367/QĐ-UBND về duyệt Phương án số 53/PA-HĐBT ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Hội đồng Bồi thường dự án xây dựng kiên cố tuyến kè bảo vệ khu dân cư ấp B, xã B, huyện C.

Trên cơ sở hồ sơ pháp lý và các quy định có liên quan, ngày 04 tháng 5 năm 2018, Ủy ban nhân dân huyện C có Quyết định số 558/QĐ-UBND về duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho hộ Bà Phan Thị G với tổng số tiền là 489.198.000 đồng *(Bốn trăm tám mươi chín triệu, một trăm chín mươi tám nghìn đồng)*.

Do không đồng ý với Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 558/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện C, Bà Phan Thị G có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, khiếu nại yêu cầu bồi thường toàn bộ phần đất bị ảnh hưởng trong dự án với mức giá là 10.000.000 đồng/m^2 và yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống thêm 01 nhân khẩu.

Ngày 23 tháng 7 năm 2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 835/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại, theo đó công nhận một phần nội dung khiếu nại của Bà Phan Thị G về hỗ trợ ổn định đời sống thêm 01 nhân khẩu trong hộ Bà Phan Thị G, không công nhận yêu cầu bồi thường toàn bộ phần đất bị ảnh hưởng trong dự án với mức giá là 10.000.000 đồng/m^2.

Trên cơ sở kết quả giải quyết khiếu nại, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 18/9/2018 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc duyệt bổ sung kinh phí bồi thường hỗ trợ thiệt hại cho Bà Phan Thị G (hỗ trợ ổn định đời sống thêm 01 nhân khẩu) với kinh phí 12.000.000 đồng.

Không đồng ý với Quyết định số 835/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc giải quyết khiếu nại, Bà Phan Thị G tiếp tục gửi đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân thành phố.

Ngày 12 tháng 3 năm 2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số 933/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của Bà Phan Thị G, theo đó không công nhận nội dung khiếu nại của bà G về yêu cầu được giải quyết bồi thường, hỗ trợ toàn bộ phần diện tích 127,5m^2 bị ảnh hưởng bởi dự án theo đơn giá đất ở là 10.000.000 đồng/m^2. Công nhận Quyết định số 835/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về giải quyết khiếu nại của Bà Phan Thị G là đúng một phần. Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C xác định lại diện tích đất ở theo quy định hạn mức đất ở của hộ Bà Phan Thị G để bồi thường, hỗ trợ về đất, vật kiến trúc trên đất theo quy định.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 973/QĐ-UBND về điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 558/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện C về duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ thiệt hại của hộ Bà Phan Thị G với tổng kinh phí là 579.433.000 đồng.

Ngày 02/8/2019, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 1205/QĐ-UBND ngày 02/8/2019 điều chỉnh một phần nội dung Quyết định số 973/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 "đồng thời quyết định này thay thế Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 18/9/2018 của Ủy ban nhân dân huyện C

Từ những phân tích trên Ủy ban nhân dân huyện C đã ban hành các Quyết định bị kiện đúng quy định pháp luật.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C có Văn bản số 1013/UBND ngày 13 tháng 3 năm 2020 ý kiến như sau:

Đối với khiếu nại yêu cầu bồi thường, hỗ trợ toàn bộ diện tích 127,5m^2 đất theo đơn giá 10.000.000 đồng/m^2: Theo Biên bản kiểm kê hiện trạng sử dụng đất và tài sản bị ảnh hưởng trong dự án của hộ Bà Phan Thị G ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện C, giấy xác nhận về nguồn gốc pháp lý nhà và đất của Ủy ban nhân dân xã B ngày 14 tháng 9 năm 2017 và Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện C, phần đất của hộ Bà Phan Thị G bị ảnh hưởng bởi Dự án Xây dựng kiên cố tuyến kè bảo vệ khu dân cư ấp B, xã B, huyện C có diện tích 127,5 m^2, thuộc thửa 103-38, tờ bản đồ số 03, loại đất gò, nằm trong Giấy chứng nhận QSDĐ số 9035 QSDĐ/SX ngày 02/8/2004 (trong đó có 6,5m^2 bị sạt lở và 0,6m^2 nằm ngoài ranh giải tỏa của dự án) và nhà, vật kiến trúc bị ảnh hưởng trong dự án. Đất ở vị trí 4 đường Trần Quang Đạo, ngoài phạm vi 100m được tính đơn giá bồi thường như sau: 479.808 đồng/m^2 x 5,686 = 2.728.000 đồng/m^2 là đúng quy định. Đất trồng cây hàng năm vị trí 2 đường Trần Quang Đạo được tính đơn giá bồi thường được tính: 78.000 đồng/m^2 x 9,49 = 740.000 đồng/m^2 là đúng quy định. Việc Bà Phan Thị G yêu cầu bồi thường, hỗ trợ toàn bộ diện tích 127,5m^2 đất theo đơn giá 10.000.000 đồng/m^2 là không có cơ sở.

Đối với khiếu nại yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống thêm 01 nhân khẩu: Qua kết quả xác minh thì ông Phạm Văn M có làm công nhân khu chế xuất được khoảng 03 tháng, rồi sau đó về ở nhà phụ giúp gia đình nuôi tôm và khai thác lá dừa nước cho đến nay. Trên cơ sở xác minh, ngày 09 tháng 7 năm 2018, đại diện các đơn vị gồm Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Thanh tra huyện có buổi làm việc để trao đổi về nội dung bà G khiếu nại, qua đó thống nhất hỗ trợ ổn định đời sống cho trường hợp của ông Phạm Văn M do ông Phạm Văn M có nghề nghiệp chính là đốn lá, đủ điều kiện để chiết tính hỗ trợ.

Ngày 23/7/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 835/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại của Bà Phan Thị G, theo đó công nhận một phần nội dung khiếu nại của bà G về hỗ trợ ổn định đời sống thêm 01 nhân khẩu theo quy định. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 835/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2018 là đúng quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn C, bà Phạm Thị Kim T, ông Phạm Văn M thống nhất ý kiến của Bà Phan Thị G.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1530/2020/HCST ngày 18 tháng 9 năm 2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ Điều 32, Điều 60, Điều 116, Khoản 1 Điều 157, Điều 158, Điều 193, Điều 206 Luật Tố tụng hành chính 2015;

Căn cứ Điều 66, Điều 74, Điều 83 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện Bà Phan Thị G về việc yêu cầu hủy Quyết định số 558/QĐ-UBND ngày 04/5/2018; Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 18/9/2018; Quyết định số 973/QĐ-UBND ngày 21/6/2019; Quyết định số 1205/QĐ-UBND ngày 02/8/2019 của Ủy ban nhân dân huyện C; Quyết định số 835/QĐ-UBND ngày 23/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C và Quyết định số 933/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 24/9/2020 người khởi kiện Bà Phan Thị G kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, nếu HĐXX không chấp nhận thì đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện người khởi kiện giữ nguyên kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà G hủy các Quyết định số 558/QĐ-UBND ngày 04/5/2018, Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 18/9/2018, Quyết định số 973/QĐ-UBND ngày 21/6/2019; Quyết định số 1205/QĐ-UBND ngày 02/8/2019 của UBND huyện C; Quyết định số 835/QĐ-UBND ngày 23/7/2018 của Chủ tịch UBND huyện C và Quyết định số 933/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Chỉ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử phúc thẩm vụ án theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung: Người khởi kiện kháng cáo không cung cấp được tài liệu mới chứng minh. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến tranh luận của các bên đương sự, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay người bị kiện đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, hội đồng xét xử áp dụng Điều 225 Luật tố tụng hành chính xét xử vắng mặt người bị kiện.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện: Cấp sơ thẩm đã xác định đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Lý do người khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 973/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 và Quyết định số 1205/QĐ-UBND ngày 02/8/2019 do giá bồi thường hỗ trợ đất, nhà vật kiến trúc bồi thường là quá thấp. Bà yêu cầu bồi thường và hỗ trợ toàn bộ diện tích đất 127,5m^2 bị ảnh hưởng bởi dự án theo đơn giá đất ở là 10.000.000 đồng/m^2; giá nhà, vật kiến trúc với giá 5.000.000 đồng/m^2. Hỗ trợ ổn định đời sống cho hộ gia đình bà 01 hộ khẩu với 04 nhân khẩu x 500.000 đồng x 24 tháng = 48.000.000 đồng. Tiền thưởng do bị thu hồi toàn bộ nhà ở đất ở 15.000.000 đồng.

[2.1] Về nguồn gốc, quá trình sử dụng tạo lập nhà, đất của hộ bà G có nguồn gốc của ông Lê Văn C tặng cho năm 1990. Đến tháng 05/2004 hộ bà G xây dựng trên thửa 103-38 căn nhà và các công trình khác; hộ bà G được cấp GCNQSDĐ loại đất gò. Phần đất của hộ Bà Phan Thị G bị ảnh hưởng bởi dự án xây dựng kiên cố tuyến kè bảo vệ khu dân cư ấp B, xã B, huyện C có diện tích 127,5m^2 thuộc thửa 103-38, tờ bản đồ số 03, loại đất gò nằm trong GCNQSDĐ số 9035/SX ngày 02/8/2004 (trong đó có 6.5 m^2 bị sạt lở và 0.6 m^2 nằm ngoài ranh giải tỏa của dự án) và nhà, vật kiến trúc bị ảnh hưởng trong dự án. Xét nhà đất của hộ bà G có nguồn gốc, quá trình sử dụng, xây dựng nhà và các công trình vào tháng 5/2004 mục đích để ở ổn định không tranh chấp, diện tích thực tế sử dụng 121m^2 (do có 6.5m^2 bị sạt lở) nhỏ hơn quy định hạn mức đất ở là 300m^2 nên khi bị ảnh hưởng bởi Dự án được xác định lại toàn bộ là đất ở. Phần diện tích 6.5m^2 đã bị sạt lở nên được tính hỗ trợ bằng 50% giá đất nông nghiệp trồng cây hàng năm vị trí 2 đường Trần Hưng Đạo theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Mục I Phần III của Phương án 53/PA-HĐBT ngày 10/4/2018 của Hội đồng Bồi thường, giải phóng mặt bằng.

Ủy ban nhân dân huyện C căn cứ Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố; Phương án số 53/PA-HĐBT ngày 10/4/2018 của Hội đồng Bồi thường, giải phóng mặt bằng; Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện C: Ban hành Quyết định số 973/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 và Quyết định số 1205/QĐ-UBND ngày 02/8/2019 tính bồi thường đất ở 120,4m^2 vị trí 4, đường Trần Quang Đạo, ngoài phạm vi 100m, với giá (2.728.000 đồng x 120,4m^2) + Bồi thường đất ở còn lại nhỏ nằm ngoài ranh giải tỏa 0,6m^2 vị trí 4, đường Trần Quang Đạo, ngoài phạm vi 100m, với giá (2.728.000 đồng x 0,6m^2) + Hỗ trợ đất nông nghiệp trồng cây hàng năm 6,5m^2 vị trí 1, không mặt tiền đường Trần Quang Đạo bị sạt lở thành sông, với giá: (370.000 đồng x 6,5m^2) là đúng quy định pháp luật.

Xét về bồi thường nhà cửa, vật kiến trúc: Ủy ban nhân dân huyện C căn cứ Biên bản kiểm kê hiện trạng sử dụng đất và tài sản bị ảnh hưởng trong dự án lập ngày 21/3/2016 và Phương án số 53/PA-HĐBT ngày 10/4/2018 của Hội đồng Bồi thường, giải phóng mặt bằng ban hành Quyết định số 973/QĐ-UBND ngày

21/6/2019 và Quyết định số 1205/QĐ-UBND ngày 02/8/2019 tính áp giá bồi thường nhà cửa, vật kiến trúc: Là đúng quy định pháp luật.

Như vậy, bà G yêu cầu bồi thường và hỗ trợ toàn bộ diện tích 127,5m^2 bị ảnh hưởng theo đơn giá 10.000.000 đồng, vật kiến trúc với giá 5.000.000 đồng/m^2 là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu phải hỗ trợ ổn định đời sống cho hộ gia đình bà và tiền thưởng do bị thu hồi toàn bộ nhà ở đất ở:

Ủy ban không hỗ trợ ổn định đời sống là đúng quy định tại Điều 83 Luật Đất đai năm 2013; điểm a Khoản 1 Điều 19 Nghị định 27/2014/NĐ-CP.

Về hỗ trợ tiền thưởng do bị thu hồi nếu chấp hành tốt chủ trương chính sách bồi thường và bàn giao mặt bằng đúng tiến độ. Nếu bà G cho rằng UBND huyện không thực hiện chi thưởng thì có quyền yêu cầu khởi kiện về hành vi không thực hiện hỗ trợ tiền thưởng theo Quyết định 973/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 bằng vụ án khác.

[3] Xét yêu cầu hủy Quyết định số 558/QĐ-UBND ngày 04/5/2018 và Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 18/9/2018 của Ủy ban nhân dân huyện C:

Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 973/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 "Về điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 558/QĐ-UBND ngày 04/5/2018 của Ủy ban nhân dân huyện C" và Quyết định số 1205/QĐ-UBND ngày 02/8/2019 "Về điều chỉnh một phần nội dung Quyết định số 973/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của Ủy ban nhân dân huyện C". Như vậy, Quyết định số 558/QĐ-UBND ngày 04/5/2018; Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 18/9/2018 của Ủy ban nhân dân huyện C không phát sinh hiệu lực đối với Bà Phan Thị G. Do vậy, không có sơ sở để xem xét chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu hủy Quyết định số 835/QĐ-UBND ngày 23/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C; Quyết định số 933/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Hội đồng xét xử xét thấy Quyết định số 835/QĐ-UBND ngày 23/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành nhằm giải quyết khiếu nại của bà G về bồi thường của Quyết định số 558/QĐ-UBND ngày 04/5/2018 của Ủy ban nhân dân huyện C.

Quyết định số 933/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành để giải quyết khiếu nại của bà G về Quyết định số 835/QĐ-UBND ngày 23/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Như đã phân tích ở trên thì quyết định 558 không phát sinh hiệu lực với bà G nên Quyết định số 835 và Quyết định số 933 cũng không còn phát sinh hiệu lực đối với Bà Phan Thị G. Do vậy, không có sơ sở để xem xét chấp nhận.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất quan điểm đại diện Viện kiểm sát cấp cao, bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của người khởi kiện không được chấp nhận nên phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

I. Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện Bà Phan Thị G; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 32, Điều 60, Điều 116, Điều 193 Luật Tố tụng hành chính 2015

Căn cứ Điều 66, Điều 74, Điều 83 Luật Đất đai năm 2013

Căn cứ Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của Bà Phan Thị G về việc yêu cầu hủy Quyết định 558/QĐ-UBND ngày 04/5/2018, Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 18/9/2018, Quyết định số 973/QĐ-UBND ngày 21/6/2019; Quyết định số 1205/QĐ-UBND ngày 02/8/2019 của UBND huyện C; Quyết định số 835/QĐ-UBND ngày 23/7/2018 của Chủ tịch UBND huyện C và Quyết định số 933/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

II. Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà Phan Thị G phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai 0025997 ngày 01/7/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

III. Về án phí phúc thẩm: Bà Phan Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0093258 ngày 10/11/2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND TP Hồ Chí Minh;
- VKSND TP Hồ Chí Minh;
- Cục THA DS TP Hồ Chí Minh;
- Đương sự (5)
- Lưu VP (6). HS (16). (MTTT)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thanh Duyên